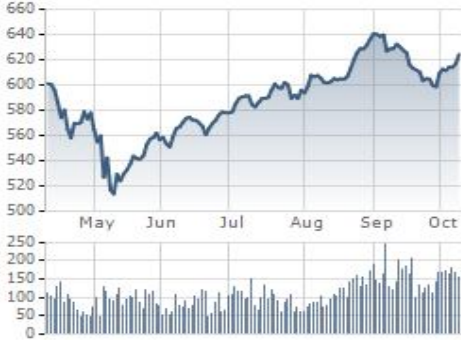


HOSE 14/10/2014

VNINDEX	605.79	-8.43	-1.37%
KLGD	115,310,870	CP	
GTGD	2,069.81	Tỷ	
GTR NDTNN	-	29.68	Tỷ

CP Tăng giá	66	CP
CP Giảm giá	180	CP
CP Đứng giá	58	CP



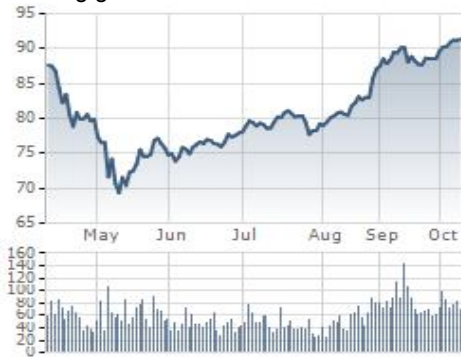
Tâm điểm

- ▶ **Lực bán gia tăng, 2 sàn tiếp tục sụt giảm về vùng điểm thấp hơn**
- ▶ **Thanh khoản thị trường ở mức tương đương với phiên hôm qua**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,000 tỷ đồng
- ▶ **Lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5, 10 năm giảm**
Kỳ hạn 10 năm huy động được toàn bộ lượng gọi thầu là 3,000 tỷ đồng
DVO
- ▶ **Nợ xấu TPHCM tăng hơn 16,000 tỷ đồng sau 8 tháng**
Tỷ lệ nợ xấu của các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính cao nhất
Gafin
- ▶ **Kinh tế Singapore tăng tốc trong quý 3**
GDP quý 3 của Singapore tăng 1.2%
DVO/Bloomberg
- ▶ **DXP: Ước lãi trước thuế 9 tháng đạt 35.6 tỷ đồng, giảm 31%**
Lợi nhuận 9 tháng mới bằng 51% kế hoạch năm và bằng 69% cùng kỳ
DVO
- ▶ **TNG: Nợ ngắn hạn tăng mạnh, lãi 9 tháng đạt 80% kế hoạch**
Lũy kế 9 tháng đầu năm 2014, lợi nhuận của Công ty đạt 40 tỷ đồng
Vietstock

HNX 14/10/2014

HNXINDEX	89.52	-0.90	-1.00%
KLGD	64,634,221	CP	
GTGD	1,005.61	Tỷ	
GTR NDTNN	-	8.19	Tỷ

CP Tăng giá	74	CP
CP Giảm giá	151	CP
CP Đứng giá	154	CP



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,100,344	15.4	3.3	19.6%	10.7%
HNX	147,893	15.0	1.9	9.2%	4.5%
Toàn bộ thị trường	1,248,237	17.3	3.4	19.1%	10.1%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,525	6.9	0.9	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,511	9.4	1.6	16.2%	10.9%
Thép và sản phẩm thép	39,615	17.3	2.2	20.6%	9.5%
Khai khoáng	12,505	67.9	5.5	0.4%	0.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,926	17.3	1.5	10.9%	7.3%
Xây dựng	33,888	50.9	1.3	-1.9%	1.9%
Máy công nghiệp	8,979	9.5	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,418	9.0	1.6	18.9%	13.7%
Lốp xe	8,861	11.0	3.2	27.5%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,546	12.5	1.9	16.8%	6.2%
Thực phẩm	199,420	24.3	4.8	20.7%	16.3%
Dược phẩm	15,354	10.6	3.0	25.0%	16.4%
Phần mềm	18,702	11.6	2.4	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	26,597	-	6.3	1.4	-18.7%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	217,266	17.8	5.8	33.1%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	27,355	22.4	2.4	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	29,617	14.9	1.7	9.4%	7.1%
Ngân hàng	240,080	11.1	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	180,702	18.4	3.7	21.9%	5.3%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,247	11.8	2.5	22.6%	9.4%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	641.13	-9.94	-1.53%
HNX30	180.96	-3.10	-1.68%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5, 10 năm giảm

Nợ xấu TPHCM tăng hơn 16,000 tỷ đồng sau 8 tháng

Kinh tế Singapore tăng tốc trong quý 3

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

DXP: Ước lãi trước thuế 9 tháng đạt 35.6 tỷ đồng, giảm 31%

TNG: Nợ ngắn hạn tăng mạnh, lãi 9 tháng đạt 80% kế hoạch

TMT: 9 tháng lãi ròng 35 tỷ, vượt 67% kế hoạch điều chỉnh

► Tin kinh tế

Ngày 13/10, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã tổ chức phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ do Kho bạc Nhà nước phát hành. Phiên đấu thầu có tổng khối lượng gọi thầu 6,000 tỷ đồng với 3 loại kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm. Trái phiếu kỳ hạn 5 năm có 14 thành viên tham gia dự thầu, khối lượng dự thầu hợp lệ đạt 1,895 tỷ đồng và vùng lãi suất đặt thầu nằm trong khoảng 4.60%-5.30%/năm. Chỉ có 345 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn này được huy động với lãi suất trúng thầu 4.80%/năm, thấp hơn 0.25%/năm so với lãi suất trúng thầu phiên trước đó, ngày 2/10/2014.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TPHCM cho biết, nợ xấu tính đến cuối tháng 8 tăng hơn 16,000 tỷ đồng so với cuối năm ngoái. Tỷ lệ nợ xấu của các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính cao nhất, chiếm 21%- 37% dư nợ cho vay của các đơn vị này. Còn nhóm các ngân hàng, nợ xấu phần lớn đều dưới mức quy định 3%, ngoại trừ một số ngân hàng như DongABank (6.8%), Ngân hàng Bản Việt (3.61%)...Nợ xấu trên địa bàn thành phố tập trung chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chiếm tỷ lệ trên 74%, lĩnh vực phi sản xuất hơn 25%. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố cho biết, công tác xử lý nợ xấu luôn được tập trung cao suốt thời gian qua. Theo đó, trong 8 tháng đầu năm, các nhà băng trên địa bàn TPHCM đã xử lý được 15,584 tỷ đồng.

Bộ Thương mại Singapore vừa công bố báo cáo GDP quý 3. Theo đó, GDP quý 3 của Singapore tăng 1.2% hàng năm sau khi đã tăng trưởng 0.1% trong 3 tháng trước đó. Con số này cao hơn mức tăng trưởng dự báo 0.8% của các chuyên gia tham gia khảo sát của Bloomberg. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm ngoái, kinh tế Singapore tăng trưởng 2.4%, thấp hơn dự báo tăng 2.7% của các chuyên gia. Kinh tế Singapore tăng tốc trong quý 3 nhờ nhu cầu tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ của nước ngoài tăng mạnh, thúc đẩy lĩnh vực sản xuất của quốc đảo tăng trưởng. Cụ thể, sản lượng sản xuất quý 3 tăng 1.4% so với cùng kỳ năm ngoái và sản lượng của lĩnh vực dịch vụ tăng 2.9%.

► Tin doanh nghiệp

Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 10/10/2014 của Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá (HNX: DXP) thống nhất kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2014. Theo đó, tổng sản lượng hàng hoá thông qua là 3.1 triệu tấn, đạt 71% kế hoạch năm 2014, bằng 94% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013. Doanh thu là 130 tỷ đồng, đạt 65% kế hoạch năm 2014, bằng 85% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013. Lợi nhuận trước thuế là 35.6 tỷ đồng, đạt 50.8% kế hoạch năm 2014, bằng 69% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013. Như vậy, tính riêng quý 3/2014, DXP đạt 44.3 tỷ đồng doanh thu và 9 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Về kế hoạch quý cuối cùng năm 2014, Công ty dự kiến tổng sản lượng 900 nghìn tấn. Doanh thu là 38 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 9 tỷ đồng.

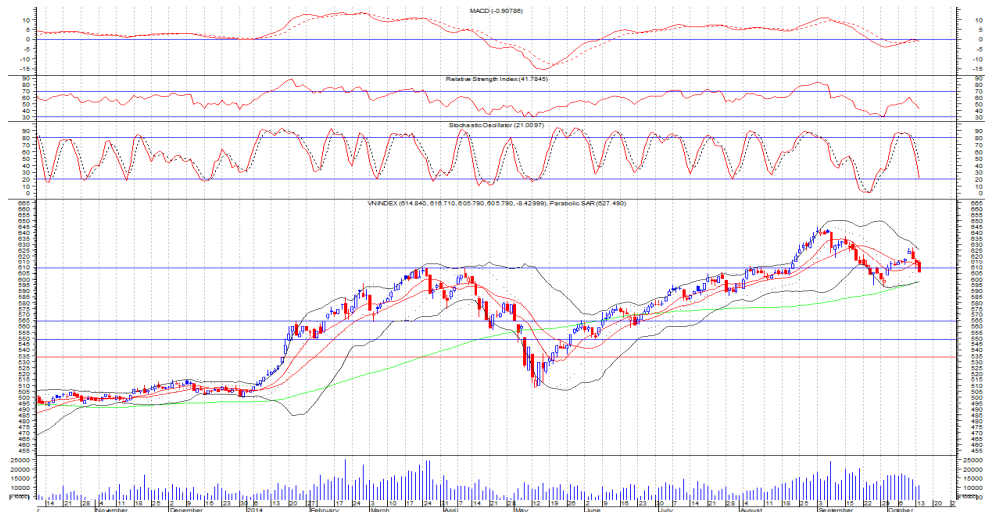
Theo thông tin từ CTCP Đầu Tư & Thương Mại TNG (HNX: TNG), trong quý 3/2014, doanh thu thuần TNG đạt gần 505 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Kéo theo đó là lãi gộp tăng 23%, đạt 85.58 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi phí tài chính giảm nhẹ nhờ lãi suất ngân hàng thay đổi cũng góp phần đưa lợi nhuận TNG quý 3 tăng vọt lên con số hơn 20 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ chỉ 5.4 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần TNG đạt 1,030 tỷ đồng và lãi ròng 40 tỷ đồng, lần lượt đạt 73% và 80% chỉ tiêu kế hoạch đề ra cả năm 2014. Mặc dù vậy, lũy kế 9 tháng, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của TNG vẫn âm gần 100 tỷ đồng. Ngoài ra, tại thời điểm cuối quý 3, nợ ngắn hạn của TNG cũng ở mức 728 tỷ đồng, tăng thêm hơn 160 tỷ đồng so với đầu năm.

CTCP Ô tô TMT (HOSE: TMT) vừa công bố kết quả kinh doanh quý 3/2014 với 330.5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 13.3 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, chỉ tiêu doanh thu thuần đạt mức 794 tỷ đồng, tăng 88% so cùng kỳ 2013. Lợi nhuận sau thuế vọt lên 35 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ âm 8 tỷ đồng. Trước đó, ĐHĐCĐ của TMT đã thông qua việc điều chỉnh tăng kế hoạch 2014 với doanh thu 1,586 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 21 tỷ đồng. Như vậy, chỉ trong 9 tháng, lợi nhuận sau thuế của TMT đã vượt 67% kế hoạch, còn doanh thu bằng 50% kế hoạch.

HOSE 14/10/2014 VNINDEX 605.79 -8.43 -1.37% 115,310,870 CP 2,069.81 bil VND

Lực bán gia tăng, 2 sàn tiếp tục sụt giảm về vùng điểm thấp hơn

VN-Index giảm 8.43 điểm (-1.37%), đóng cửa tại mức 605,79 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài tương đối, chỉ số này giảm điểm phá vỡ MA20.
 - MACD nhiều khả năng sẽ cho tín hiệu bán ra trở lại, chỉ báo này vẫn chưa cho tín hiệu cắt đường zero - base.
 - Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm mạnh. Điều này cho thấy VN-Index vẫn có khả năng tiếp tục giảm điểm.
 - RSI (14) sụt giảm về mức 41.
 - Nhiều khả năng VN-Index tiếp tục giảm điểm về vùng hỗ trợ mạnh 595 - 600 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.2 (-1.7%)	8,185,360
ITA	-0.1 (-1.1%)	5,525,850
VHG	0.1 (0.7%)	5,039,370
SAM	-0.5 (-3.7%)	4,743,070
KBC	-0.6 (-3.6%)	3,860,740

HOSE Top 5 theo % tăng

VTF	1.7 (7.0%)	9,560
GTN	1.3 (7.0%)	897,770
RIC	1.5 (7.0%)	17,170
CTI	0.8 (6.9%)	250
DTA	0.4 (6.9%)	11,910

HOSE Top 5 theo % giảm

VOS	-0.4 (-6.7%)	1,891,240
BSI	-0.7 (-6.5%)	478,500
HSI	-0.2 (-6.5%)	18,630
FDC	-1.9 (-6.3%)	242,390
MDG	-0.4 (-6.3%)	6,120

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HSG	29,6 tỷ	619,900
VCB	13,8 tỷ	543,250
DPM	9,1 tỷ	294,630
KBC	7,2 tỷ	428,920
JVC	6,1 tỷ	373,190

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HPG	-40,2 tỷ	703,080
VIC	-26,4 tỷ	542,860
PVD	-8,6 tỷ	88,660
MSN	-6,3 tỷ	77,860
GAS	-3,7 tỷ	33,370

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	242,630	- 29.68

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán tiếp tục duy trì khá mạnh ở phiên hôm nay, đà bán lan rộng ở đầu phiên chiều, VN-Index phá mốc MA20 và lùi sâu về ngưỡng 605 điểm.
- ▶ KLGD tăng nhẹ so với phiên hôm qua và đạt 112 triệu. Đây vẫn là mức khá thấp, việc thanh khoản liên tục sụt giảm khiến cho rủi ro giảm điểm vẫn còn.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 29 tỷ. Khối này mua nhiều ở mã HSG, VCB. Bán nhiều ở VIC, HPG.
- ▶ VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm định lại vùng hỗ trợ mạnh của chỉ số này tại vùng điểm 595 - 600 điểm trong những phiên tới.
- ▶ NĐT cân nhắc mua vào dần, tập trung vào các mã đã điều chỉnh tốt trong những phiên gần đây và có kết quả kinh doanh tốt ở Quý 3/2014.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	109.0	206,555.00	18.2	6.0	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	108.0	108,012.81	17.8	5.9	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	26.7	71,156.04	15.7	1.6	10.6%	1.0%
VIC	1,421.7	48.1	68,381.41	14.4	4.0	27.6%	6.2%
MSN	735.8	81.0	59,600.46	-1,465.9	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.3	53,244.69	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.3	37,389.00	9.5	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	96.0	29,091.54	12.7	2.7	22.7%	10.7%
HPG	481.9	56.5	27,227.81	10.1	2.7	28.3%	12.8%
BVH	680.5	40.0	27,218.86	22.4	2.4	10.2%	2.1%

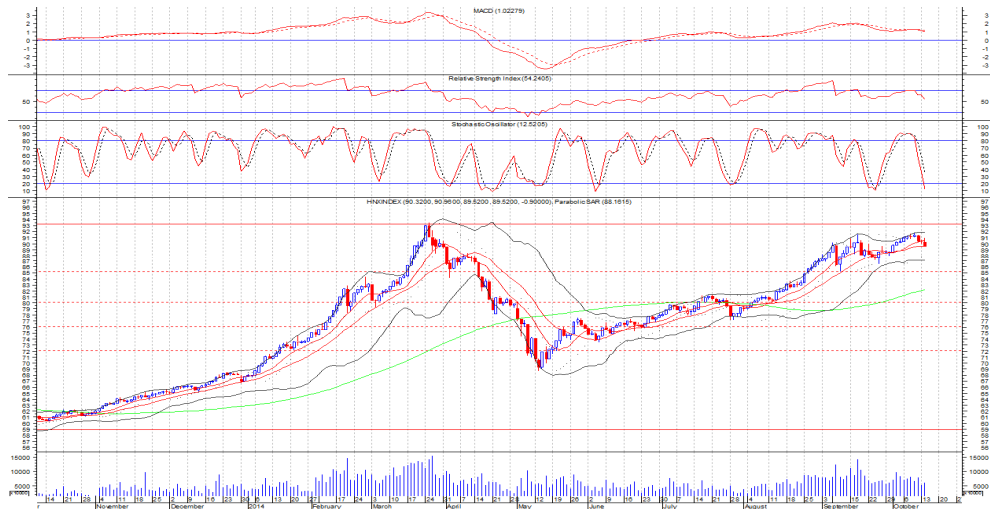
HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.6	4,503.09	19.1	1.6	NA	TH.DOI
FPT	343.9	52.0	17,882.50	11.5	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.4	2,356.75	7.9	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.5	3,160.75	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.3	686.48	4.1	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	28.2	778.60	3.4	1.3	NA	TH.DOI

HNX 14/10/2014 HNX-Index 89.52 -0.90 -1.00% 64,634,221 CP 1,005.61 bil. VND

Lực bán gia tăng, 2 sàn tiếp tục sụt giảm về vùng điểm thấp hơn

Chỉ số HNX-Index giảm 0.90 điểm (-1.00%), đóng cửa tại mốc 89.52 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến dài vừa phải, HNX-Index giảm về vùng hỗ trợ MA20.
 - Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm mạnh, cho thấy HNX-Index vẫn còn rủi ro giảm điểm.
 - MACD sau khi cho tín hiệu bán ra vẫn tiếp tục sụt giảm mạnh.
 - RSI (14) lùi về mốc 54.
 - HNX-Index đang được hỗ trợ mạnh ở vùng điểm này tương đương với vùng MA20.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.1 (-1.5%)	7,890,910
SHS	-0.7 (-5.5%)	5,184,500
SHB	-0.1 (-1.1%)	4,133,220
KLF	-0.4 (-3.4%)	4,041,300
PVS	0.2 (0.5%)	3,962,580

HNX Top 5 theo % tăng

HTP	0.7 (10.0%)	200
L62	0.4 (10.0%)	3,300
ASA	2.1 (9.9%)	1,599,500
VIX	2.9 (9.8%)	1,051,400
VLA	1 (9.8%)	4,000

HNX Top 5 theo % giảm

PIV	-1 (-10.0%)	2,100
TET	-2.4 (-10.0%)	3,000
DNC	-2.1 (-9.9%)	100
TNG	-2.4 (-9.8%)	416,800
BCC	-1.4 (-9.8%)	691,700

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	5,1 tỷ	117,600
HMH	1,0 tỷ	38,200
NTP	0,3 tỷ	5,700
NDF	0,3 tỷ	10,000
THT	0,2 tỷ	10,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-6,9 tỷ	194,300
LAS	-6,1 tỷ	187,400
TDN	-1,1 tỷ	116,500
S74	-0,6 tỷ	40,000
VND	-0,6 tỷ	35,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-369,833	- 8.19

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán tiếp tục duy trì khá mạnh ở phiên hôm nay, đà bán lan rộng ở đầu phiên chiều, HNX-Index giảm về mốc MA20.
- ▶ KLGD tăng nhẹ so với phiên hôm qua và đạt 62 triệu. Đây vẫn là mức khá thấp, việc thanh khoản liên tục sụt giảm khiến cho rủi ro giảm điểm vẫn còn.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 8,19 tỷ. Lượng mua tập trung nhiều ở các mã PVS, HNM, trong khi bán nhiều ở PVC, LAS.
- ▶ HNX-Index nhiều khả năng sẽ kiểm định lại vùng hỗ trợ mạnh của chỉ số này tại vùng điểm 87 - 89 điểm trong những phiên tới.
- ▶ NĐT cân nhắc mua vào dần, tập trung vào các mã đã điều chỉnh tốt trong những phiên gần đây và có kết quả kinh doanh tốt ở Quý 3/2014.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	43.1	19,252.79	10.8	2.3	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.1	13,737.69	20.4	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.0	7,974.75	9.4	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	13.3	5,874.75	10.7	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	83.6	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.2	4,097.88	14.2	0.7	4.7%	1.9%
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.4	2.1	22.9%	15.2%
VNR	131.1	20.6	2,700.16	9.0	1.1	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.5	2,600.00	2.1	3.6	-128.0%	-7.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.7	1,394.60	9.0	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.9	629.64	6.7	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.1	1,609.98	15.4	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	34.5	1,725.00	10.5	2.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	45.0	354.37	7.2	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,421.7	68,381.41	15.75%	48.1	14.36	3.96	2,470,048	2,538,460	1,863,805
HPG	HOSE	481.9	27,227.81	13.53%	56.5	10.07	2.66	633,759	736,868	826,405
PVD	HOSE	303.0	29,091.54	11.69%	96.0	12.66	2.68	419,634	538,457	490,705
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	11.42%	81.0	#####	4.17	91,759	175,197	249,740
HAG	HOSE	789.9	19,589.50	8.11%	24.8	17.05	1.46	6,035,755	4,941,538	3,509,893
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	6.47%	18.2	7.71	1.24	362,101	540,665	385,701
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	5.75%	26.7	15.65	1.62	527,962	588,679	477,182
DPM	HOSE	379.9	11,663.98	4.79%	30.7	9.18	1.30	560,572	905,781	1,179,461
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.96%	8.8	68.97	0.82	9,403,105	8,289,053	7,232,184
KBC	HOSE	389.8	6,314.12	2.57%	16.2	28.67	1.29	6,413,410	5,640,661	3,234,388
BVH	HOSE	680.5	27,218.86	2.30%	40.0	22.39	2.35	241,553	385,442	228,590
HSG	HOSE	96.3	4,574.87	2.06%	47.5	14.34	1.97	725,846	444,906	268,276
GMD	HOSE	116.1	4,111.28	1.83%	35.4	8.16	0.85	1,094,506	1,392,628	672,769
PPC	HOSE	318.2	7,667.53	1.68%	24.1	16.13	1.56	315,314	779,722	723,814
HVG	HOSE	132.0	4,091.99	1.56%	31.0	35.28	1.78	2,312,826	2,315,610	1,545,537
CSM	HOSE	67.3	3,081.97	1.50%	45.8	8.57	2.58	212,209	332,673	276,163
PVT	HOSE	255.9	4,503.09	1.48%	17.6	19.09	1.57	2,506,727	2,716,425	2,237,580
DRC	HOSE	83.1	5,067.50	1.48%	61.0	13.75	3.73	125,605	239,725	211,837
VSH	HOSE	206.2	2,949.25	1.31%	14.3	14.16	1.11	394,587	522,980	698,649
DIG	HOSE	178.7	2,538.16	1.01%	14.2	72.99	1.13	1,779,450	1,716,897	727,594
OGC	HOSE	300.0	3,840.00	0.76%	12.8	47.99	1.23	5,866,547	4,852,729	3,259,590

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,421.7	68,381.41	8.28%	48.1	14.36	3.96	2,470,048	2,538,460	1,863,805
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	8.09%	81.0	#####	4.17	91,759	175,197	249,740
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	6.66%	26.7	15.65	1.62	527,962	588,679	477,182
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	6.34%	18.2	7.71	1.24	362,101	540,665	385,701
PVS	HNX	446.7	19,252.79	5.45%	43.1	10.80	2.30	3,262,808	4,344,059	3,831,672
BVH	HOSE	680.5	27,218.86	4.54%	40.0	22.39	2.35	241,553	385,442	228,590
DPM	HOSE	379.9	11,663.98	4.18%	30.7	9.18	1.30	560,572	905,781	1,179,461
PVD	HOSE	303.0	29,091.54	4.04%	96.0	12.66	2.68	419,634	538,457	490,705
HAG	HOSE	789.9	19,589.50	3.68%	24.8	17.05	1.46	6,035,755	4,941,538	3,509,893
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.96%	8.8	68.97	0.82	9,403,105	8,289,053	7,232,184
PPC	HOSE	318.2	7,667.53	2.75%	24.1	16.13	1.56	315,314	779,722	723,814
FLC	HOSE	314.9	3,558.30	2.56%	11.3	8.20	0.98	13,226,468	16,284,462	16,425,941
SHB	HNX	886.1	7,974.75	2.53%	9.0	9.43	0.75	6,231,184	5,457,202	4,626,237
VCG	HNX	441.7	5,874.75	2.03%	13.3	10.73	1.10	1,696,923	2,002,283	1,276,842
OGC	HOSE	300.0	3,840.00	1.69%	12.8	47.99	1.23	5,866,547	4,852,729	3,259,590
PVT	HOSE	255.9	4,503.09	1.61%	17.6	19.09	1.57	2,506,727	2,716,425	2,237,580
DRC	HOSE	83.1	5,067.50	0.95%	61.0	13.75	3.73	125,605	239,725	211,837
IJC	HOSE	274.2	3,729.05	0.62%	13.6	23.04	1.32	788,052	1,213,908	1,984,141
PVX	HNX	400.0	2,600.00	0.00%	6.5	- 2.13	3.56	9,434,487	10,293,177	9,293,922

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,421.7	68,381.41	0.00%	48.1	14.36	3.96	2,470,048	2,538,460	1,863,805
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	0.00%	81.0	#####	4.17	91,759	175,197	249,740
DPM	HOSE	379.9	11,663.98	0.00%	30.7	9.18	1.30	560,572	905,781	1,179,461
HAG	HOSE	789.9	19,589.50	0.00%	24.8	17.05	1.46	6,035,755	4,941,538	3,509,893
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	0.00%	26.7	15.65	1.62	527,962	588,679	477,182
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	0.00%	18.2	7.71	1.24	362,101	540,665	385,701
BVH	HOSE	680.5	27,218.86	0.00%	40.0	22.39	2.35	241,553	385,442	228,590
CTG	HOSE	3,723.4	53,244.69	0.00%	14.3	9.26	1.01	248,827	338,350	351,897
GAS	HOSE	1,895.0	206,555.00	0.00%	109.0	18.18	5.95	493,963	467,374	374,071

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	0.88%	81.0	#####	4.17	91,759	175,197	249,740
VIC	HOSE	1,421.7	68,381.41	0.56%	48.1	14.36	3.96	2,470,048	2,538,460	1,863,805
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	0.31%	18.2	7.71	1.24	362,101	540,665	385,701
VCB	HOSE	2,665.0	71,156.04	0.24%	26.7	15.65	1.62	527,962	588,679	477,182
DPM	HOSE	379.9	11,663.98	0.15%	30.7	9.18	1.30	560,572	905,781	1,179,461
BVH	HOSE	680.5	27,218.86	0.08%	40.0	22.39	2.35	241,553	385,442	228,590

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,525	6.9	0.9	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,511	9.4	1.6	16.2%	10.9%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,968	28.2	1.0	3.4%	1.5%
Sản xuất giấy	899	7.9	1.0	12.6%	6.6%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,615	17.3	2.2	20.6%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,942	3.3	0.8	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,505	67.9	5.5	0.4%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,926	17.3	1.5	10.9%	7.3%
Xây dựng	33,888	50.9	1.3	-1.9%	1.9%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,204	8.3	1.2	16.2%	8.3%
Công nghiệp phức hợp	1,204	9.9	2.4	13.4%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,352	6.8	0.9	13.3%	5.9%
Thiết bị điện	1,897	34.5	1.2	1.4%	-0.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	14.0	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,979	9.5	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	10,135	3.5	1.2	4.1%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,418	9.0	1.6	18.9%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,358	8.1	1.6	18.4%	11.5%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,842	12.1	2.1	16.1%	7.8%
Đào tạo & Việc làm	259	10.8	0.8	8.5%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	190	8.4	0.8	10.7%	4.4%
Chất thải & Môi trường	181	2.7	0.8	35.0%	16.4%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,237	19.7	1.3	11.6%	6.1%
Lốp xe	8,861	11.0	3.2	27.5%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,556	7.8	1.3	15.5%	8.3%
Vang & Rượu mạnh	315	14.0	2.2	16.6%	10.4%
Đồ uống & giải khát	228	6.6	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,546	12.5	1.9	16.8%	6.2%
Thực phẩm	199,420	24.3	4.8	20.7%	16.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	88	22.2	1.1	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,570	8.7	1.3	14.7%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	637	50.2	1.6	2.9%	2.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,667	9.7	1.8	18.1%	7.1%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,983	11.1	2.1	17.9%	9.2%
Thuốc lá					
Thuốc lá	727	8.1	1.1	-0.5%	4.0%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		1,094	17.9	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế		168	3.4	1.9	38.1%	16.3%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		214	9.8	1.3	13.4%	9.8%
Dược phẩm		15,354	10.6	3.0	25.0%	16.4%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		259	48.7	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		738	11.4	1.2	13.1%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng		3,055	11.3	1.9	17.1%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,143	10.0	1.0	10.6%	7.4%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,690	72.9	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí		4,119	18.7	1.5	10.1%	8.5%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,790	21.2	3.6	23.4%	20.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		786	18.8	1.0	5.6%	2.0%
Internet		340	71.7	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm		18,702	11.6	2.4	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		522	18.1	0.9	4.3%	1.6%
Thiết bị văn phòng		313	5.3	1.2	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông		14,419	37.4	9.0	34.4%	11.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		26,597	-	6.3	1.4	-18.7%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		217,266	17.8	5.8	33.1%	22.6%
Nước		1,274	6.8	1.1	17.1%	11.5%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,425	8.2	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,994	12.6	0.8	6.5%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,818	9.0	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		27,355	22.4	2.4	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		4,078	49.2	1.3	2.6%	0.8%
Môi giới chứng khoán		29,617	14.9	1.7	9.4%	7.1%
Ngân hàng						
Ngân hàng		240,080	11.1	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		180,702	18.4	3.7	21.9%	5.3%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		12	3.1	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		52,247	11.8	2.5	22.6%	9.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.